BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 52/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2017*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh

1. Điểm c khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"c) Có hàng hóa phải nộp thuế: rượu từ 20 độ trở lên vượt trên 1,5 lít hoặc rượu dưới 20 độ vượt trên 2 lít hoặc đồ uống có cồn, bia vượt trên 3 lít; thuốc lá điếu vượt trên 200 điếu hoặc xì gà vượt trên 20 điếu hoặc thuốc lá sợi vượt trên 250 gam; các vật phẩm khác có tổng trị giá trên 10.000.000 đồng Việt Nam;".

2. Tiết d.3 điểm d khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"d.3. Mang theo vàng cụ thể như sau:

d.3.1. Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu mang theo vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên;

d.3.2. Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng giấy thông hành biên giới, giấy thông hành nhập xuất cảnh, chứng minh thư biên giới đeo trên người vàng trang sức, mỹ nghệ phục vụ nhu cầu trang sức như các loại: nhẫn, dây, vòng, hoa tai, kim cài và các loại trang sức khác có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên;

d.3.3. Người nước ngoài được phép định cư ở Việt Nam khi nhập cảnh mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên;

d.3.4. Người Việt Nam được phép định cư ở nước ngoài khi xuất cảnh mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng vàng từ 300 gam trở lên;".

3. Điểm e khoản 4 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"e) Trường hợp người nhập cảnh, xuất cảnh có hàng hoá, hành lý thuộc quản lý, kiểm tra chuyên ngành thì công chức Hải quan căn cứ văn bản cho phép xuất khẩu, nhập khẩu của cơ quan quản lý chuyên ngành hoặc kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành đối chiếu với hàng hóa của người xuất cảnh, nhập cảnh; Ghi số, ngày tháng năm, tên của văn bản cho phép hoặc văn bản ghi kết quả kiểm tra, tên cơ quan cấp, xác nhận, ký tên đóng dấu công chức tại mục "Xác nhận của Hải quan" trên trang 02 và trang 04 của Tờ khai Hải quan;

Trường hợp kiểm tra, đối chiếu thông tin của hàng hóa, hành lý không phù hợp với văn bản cho phép hoặc văn bản ghi kết quả kiểm tra và trường hợp người xuất cảnh, nhập cảnh không xuất trình văn bản cho phép hoặc văn bản ghi kết quả kiểm tra thì yêu cầu người xuất cảnh, nhập cảnh gửi hàng hóa, hành lý đó vào kho của Hải quan cửa khẩu và xử lý theo quy định hiện hành. Công chức hải quan ghi nhận việc người xuất cảnh, nhập cảnh có hàng hóa, hành lý gửi kho của Hải quan cửa khẩu tại mục "Xác nhận của Hải quan" trên trang 02 và trang 04 của Tờ khai Hải quan;".

4. Nội dung hướng dẫn khai báo của ô số 14 tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 120/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung như sau:

"Khai trọng lượng vàng cụ thể (tính theo đơn vị gam) nếu người xuất cảnh, nhập cảnh thuộc một trong các trường hợp nêu tại điểm 4 trang 4 của phần Hướng dẫn khai Hải quan.".

5. Ban hành kèm theo Thông tư này mẫu Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh thay thế cho mẫu Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh.

Điều 2. Thay đổi từ ngữ tại Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Thay đổi cụm từ "Time New Roman" thành cụm từ "Times New Roman" tại Điều 3 và tại khoản 4 Điều 7.

2. Thay đổi cụm từ "Hải quan xác nhận" thành cụm từ "Xác nhận của Hải quan" tại điểm a, điểm đ, điểm e khoản 4 Điều 6.

3. Thay đổi cụm từ "Vụ Tài vụ - Quản trị" thành cụm từ "Cục Tài vụ - Quản trị" tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 9.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thuộc và trực thuộc thống nhất thực hiện Thông tư này.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nội dung quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017.

2. Thông tư này bãi bỏ Quyết định số 2181/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 120/2015/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2015 quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng Tờ khai Hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh.

3. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

MẪU TỜ KHAI HẢI QUAN
DÙNG CHO NGƯỜI XUẤT CẢNH/ NHẬP CẢNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI HẢI QUAN
(Phần Hải quan lưu)
CUSTOMS DECLARATION
(For Customs only)

XÁC NHẬN CỦA HẢI QUAN (Certification by Customs)

HƯỚNG DẪN KHAI HẢI QUAN/ INSTRUCTIONS FOR DECLARATION

Người xuất cảnh, nhập cảnh khai nếu thuộc diện dưới đây:

1. Có hành lý ký gửi trước hoặc sau chuyến đi.
2. Mang theo ngoại tệ có trị giá trên 5.000 USD hoặc ngoại tệ khác tương đương hoặc mang trên 15.000.000 đồng Việt Nam.
3. Mang theo Hối phiếu, séc hoặc kim loại quý (bạc, bạch kim và các loại hợp kim có bạc, bạch kim), đá quý (kim cương, ruby, saphia, ê-mơ-rốt) có giá trị từ 300 triệu đồng Việt Nam trở lên.
4. Mang theo vàng cụ thể như sau:

a) Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng hộ chiếu mang theo vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên.

b) Người xuất cảnh, nhập cảnh bằng giấy thông hành biên giới, giấy thông hành nhập xuất cảnh, chứng minh thư biên giới đeo trên người vàng trang sức, mỹ nghệ phục vụ nhu cầu trang sức như các loại: nhẫn, dây, vòng, hoa tai, kim cài và các loại trang sức khác có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên.

c) Người nước ngoài được phép định cư ở Việt Nam khi nhập cảnh mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng từ 300 gam trở lên.

d) Người Việt Nam được phép định cư ở nước ngoài khi xuất cảnh mang theo vàng nguyên liệu, vàng miếng, vàng trang sức, mỹ nghệ có tổng khối lượng vàng từ 300 gam trở lên.

5. Có hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập.
6. Có hàng hóa phải nộp thuế: Mang theo quá 1,5 lít rượu từ 20 độ trở lên hoặc quá 2 lít rượu dưới 20 độ hoặc quá 3 lít đồ uống có cồn, bia; trên 200 điếu thuốc lá hoặc trên 20 điếu xì gà hoặc trên 250 gam thuốc lá sợi; các vật phẩm khác có tổng trị giá trên 10.000.000 đồng Việt Nam.
7. Người nhập cảnh có nhu cầu xác nhận hải quan đối với ngoại tệ tiền mặt trị giá bằng hoặc thấp hơn 5.000 USD (hoặc ngoại tệ khác tương đương).

Passengers are requested to declare in the following:

1. Bringing unaccompanied baggage.
2. Bringing over USD 5,000 or an equivalent foreign value or over VND 15,000,000.
3. Bringing drafts, cheques or precious metals (silver, platinum, alloys containing silver or platinum), gemstones (diamonds, rubies, sapphires, emeralds) valued at VND 300,000,000 or more.
4. Bringing gold in accordance with the following provisions:

a) Incoming passenger, outgoing passenger with passports, carry along gold jewelry, art gold in a total of 300 grams or more.

b) Incoming passenger, outgoing passenger with border laissez-passers, entry or exit laissez-passers or border identity cards, carry along wearjewelry gold for ornamental purpose, including rings, necklaces, strings, ear-rings, needles and other jewelry articles in a total of 300 grams or more.

c) Foreign individuals, who are permitted to permanently reside in Vietnam, carry along material gold, ingot gold, jewelry gold and fine-art gold articles in a total of 300 grams or more.

d) Vietnamese individuals, who are permitted to permanently reside abroad, carry along material gold, ingot gold, jewelry gold and fine-art gold articles in a total of 300 grams or more.

5. Having temporary import, re-export goods or temporary export, re-import goods.
6. Having dutiable goods: over 1.5 liters of liquor from 20% alcohol by volume or over 2 liters of liquor below 20% alcohol by volume or over 3 liters of alcoholic beverages, beer; over 200 cigarettes or over 20 cigars or over 250 grams of raw tobacco; other items valued over VND 10,000,000.
7. Passenger wish to request customs certification of foreign currencies in cash with a value equal to or less than USD 5,000 (or equivalent foreign values).

4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

TỜ KHAI HẢI QUAN
CUSTOMS DECLARATION
(dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh)
(for passengers on entry/exit)

1

AA 0000001

1. Họ và tên trong hộ chiếu (chữ in hoa)/*Full name as appears in passport (please fill in block letters):*

2. Giới tính/*Sex:* Nam/*Male* ☐ Nữ/*Female* ☐

3. Sinh ngày/*Date of birth:*
Ngày/*Date* tháng/*month* năm/*year*

4. Quốc tịch/*Nationality:*

5. Số hộ chiếu/*Passport No:*

6. Số chuyến bay/Tên tàu/Biển số xe *(Flight/Vessel/Car No):*

7. Ngày/*Date:*...../...../20.....(DD/MM/YY)
Chữ ký/ *Signature:*

8. Xác nhận của Hải quan /*Certification by Customs:*

2

AA 0000001

1. Họ và tên trong hộ chiếu (chữ in hoa)/*Full name as appears in passport (please fill in block letters):*

2. Giới tính/*Sex:*
Nam/*Male* ☐ Nữ/*Female* ☐

3. Sinh ngày/*Date of birth:*
Ngày/*Date* tháng/*month* năm/*year*

4. Quốc tịch/*Nationality:*

5. Số hộ chiếu/*Passport No:*

6. Số chuyến bay/Tên tàu/Biển số xe *(Flight/Vessel/Car No):*

7. Thời gian lưu trú/ *Duration of stay:*

8. Hành lý mang theo/ *Accompanied baggage* kiện,túi/ *pieces*

9. Hành lý không cùng chuyến/ *Unaccompanied baggage* kiện,túi/ *pieces*

10.Hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất – tái nhập/ *Temporary import, re-export goods or temporary export, re-import goods:* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

11. Hàng hóa phải nộp thuế/*Goods subject to duty:* Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

12. Lượng tiền mang theo/*Carry on cash:*	Trị giá/ *Amount:*
- Đồng Việt Nam/VND: - Đô la Mỹ/USD: - Ngoại tệ khác/ *other foreign currencies* (GBP, EUR, CAD...)	....
Hối phiếu, séc/ *Drafts, cheques:*	....

13. Kim loại quý, đá quý mang theo (trừ vàng)/ *Bringing precious metals, gemstone (other than gold).*	Trị giá/ *Amount:*
Kim loại quý: Bạc, bạch kim/ *Precious metals: Silver, platinum:*	....
Đá quý: Kim cương, ruby, saphia, và ê-mơ-rốt/ *Gemstone: Diamond, ruby, sapphire and emerald.*	....
14. Vàng/*Gold:*	Trọng lượng/ *Gross weight:* .....gram.
15. Ngày/*Date:*...../...../20.....(DD/MM/YY) Chữ ký/ *Signature:*	

3